

**CTCP TẬP ĐOÀN
BAMBOO CAPITAL
BAMBOO CAPITAL
GROUP JSC**



Số/No.: **08/2025/CBTT-BCG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2025
Ho Chi Minh City, January 24, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN DISCLOSURE OF INFORMATION

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/*Hanoi Stock Exchange*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM/*HCM Stock Exchange*

Công ty/Company: Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital/*Bamboo Capital Group JSC*
Mã chứng khoán/Securities Code: BCG

Người thực hiện công bố thông tin/Submitted by: Ông (Mr.) Nguyễn Tùng Lâm

Chức vụ/Position: Tổng Giám đốc/*Chief Executive Officer*

Địa chỉ/Address: 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM

Điện thoại/Telephone: (028) 62 680 680 **Fax:** (028) 62 9911 88

Loại thông tin công bố: 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Information disclosure type: 24 hours Requested Irregular Periodic

Nội dung công bố thông tin/Content of Information disclosure:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital (BCG) công bố thông tin Báo cáo tài chính Riêng lẻ và Hợp nhất Quý 4 năm 2024.

Bamboo Capital Group Joint Stock Company (BCG) announces the Standalone and Consolidated Financial Statements for the fourth quarter of 2024.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại website: <https://bamboocap.com.vn/> mục Quan hệ Nhà đầu tư.



This information has been published on our company's website: <https://bamboocap.com.vn/> in the Investor Relations section.

Tôi cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin công bố.

I declare that all information this paper provides is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/
LEGAL REPRESENTATIVE**

**TỔNG GIÁM ĐỐC/
CHIEF EXECUTIVE OFFICER**



NGUYỄN TÙNG LÂM



CTCP TẬP ĐOÀN
BAMBOO CAPITAL
BAMBOO CAPITAL GROUP
JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

-----***-----

Số/No.: 09/2025/CV-BCG
V/v: Giải trình biến động kết quả SXKD
Q4/2024
Re: Explanation on change of Q4/2024
business performance

-----***-----
TP.HCM, ngày 24 tháng 01 năm 2025
Ho Chi Minh City, January 24, 2025

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

To: THE STATE SECURITIES COMMISSION OF VIETNAM
HO CHI MINH CITY STOCK EXCHANGE
HANOI STOCK EXCHANGE

Căn cứ theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ký ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; CTCP Tập đoàn Bamboo Capital (BCG) xin giải trình với Quý Sở, Quý Ủy ban về chênh lệch lợi nhuận sau thuế trong BCTC riêng lẻ và hợp nhất Q4/2024 như sau:

In accordance with Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, issued by the Ministry of Finance regarding information disclosure in the securities market, Bamboo Capital Group JSC (BCG) respectfully provides the following explanation to the Stock Exchanges and the State Securities Commission regarding the change in Net profit after tax in the Separate and Consolidated Financial statements for Q4/2024:

Đơn vị tính: đồng
Unit: dong

Loại Báo cáo tài chính/ <i>Financial Statements</i>	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp <i>Net profit after tax</i>			
	Q4/2024	Q4/2023	Chênh lệch (1) so với (2)	Tỷ lệ chênh lệch (1) so với (2)

			<i>(1) compared to (2)</i>	<i>Ratio of (1) compared to (2)</i>
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)	(4) = (3)/(2)*100
BCTC riêng lẻ/ <i>Separate Financial Statements</i>	30.554.341.942	14.385.380.608	16.168.961.334	112,4%
BCTC hợp nhất/ <i>Consolidated Financial Statements</i>	96.473.365.772	3.363.564.903	93.109.800.869	2.768,2%

Giải trình của công ty như sau:

Đối với Báo cáo tài chính riêng lẻ: Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ đạt 30,6 tỷ đồng, tăng 112,4% so với cùng kỳ năm 2023 chủ yếu do doanh thu tài chính trong kỳ tăng và hoàn nhập chi phí dự phòng các khoản đầu tư.

Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất: Lợi nhuận sau thuế đạt 96,5 tỷ đồng, tăng 2.768,2% so với cùng kỳ năm 2023. Nguyên nhân chủ yếu đến từ chi phí lãi vay Q4/2024 giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước nhờ vào các nỗ lực chủ động kiểm soát nợ vay của Công ty và ghi nhận lợi nhuận từ các khoản đầu tư ở công ty liên kết.

The company's explanation is as follows:

For the separate financial statements: The parent company's net profit after tax reached VND 30.6 billion, representing a 112.4% increase compared to the same period in 2023, mainly due to the growth in financial income during the period and the reimbursement of provisions for investment impairments.

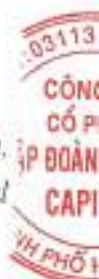
For the consolidated financial statements: The net profit after tax reached VND 96.5 billion, marking a 2,768.2% increase compared to the same period in 2023. This was mainly attributed to a significant reduction in interest expenses in Q4/2024 compared to the previous year, driven by the company's proactive efforts in managing debt, as well as the recognition of profits from investments in associated companies.

Công ty xin báo cáo đề Quý Ủy ban và Sở được biết.

Xin trân trọng cảm ơn.

The company respectfully reports for the consideration of the esteemed Securities Commission and Stock Exchanges.

Sincerely,



Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/As above
- Lưu/Store: VP

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN
BAMBOO CAPITAL

BAMBOO CAPITAL GROUP JSC

TỔNG GIÁM ĐỐC/CEO



NGUYỄN TÙNG LÂM



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Báo cáo tài chính riêng

Quý 4/2024

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	
- Bảng cân đối kế toán riêng	01-02
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	03
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	04-05
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng	06-43



Mẫu số B 01a – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 31/12/2024	Ngày 01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		378.124.922.250	135.094.424.903
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	242.301.477.397	23.082.984.226
1. Tiền	111		242.296.477.397	12.672.984.226
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000	10.410.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.05	720.000.000	1.700.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		720.000.000	1.700.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		108.604.115.013	110.142.066.478
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	7.643.900.000	20.913.010.602
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	8.792.625.921	5.843.111.360
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	52.360.239.000	6.152.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	39.807.350.092	77.233.944.516
IV. Hàng tồn kho	140		24.521.280.000	-
1. Hàng tồn kho	141		24.521.280.000	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.978.049.840	169.374.199
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	1.100.192.718	168.310.422
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		876.793.345	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.13	1.063.777	1.063.777
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.959.207.488.957	10.480.299.258.926
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		265.171.827.373	594.826.827.373
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.04	264.445.000.000	594.100.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	726.827.373	726.827.373
II. Tài sản cố định	220		6.399.963.532	8.311.147.297
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	4.317.616.864	5.963.090.629
- Nguyên giá	222		13.356.470.200	13.794.873.837
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.038.853.336)	(7.831.783.208)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	2.082.346.668	2.348.056.668
- Nguyên giá	228		2.734.054.546	2.734.054.546
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(651.707.878)	(385.997.878)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 31/12/2024	Ngày 01/01/2024
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.05	9.684.980.049.164	9.874.226.292.638
1. Đầu tư vào công ty con	251		9.467.823.601.445	9.860.571.501.445
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		282.700.000.000	110.894.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.679.676.293	1.679.676.293
4. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	254		(67.223.228.574)	(98.918.885.100)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.655.648.888	2.934.991.618
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	2.655.648.888	2.934.991.618
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		10.337.332.411.207	10.615.393.683.829

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 31/12/2024	Ngày 01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.401.064.330.703	4.391.915.814.958
I. Nợ ngắn hạn	310		679.707.108.815	2.330.596.780.515
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	33.559.074.351	19.229.406.817
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	635.381.188	377.473.419
3. Phải trả người lao động	314		368.000.000	2.391.121.426
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	29.970.971.233	34.592.945.115
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	107.390.361.952	2.232.720.193.960
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10;11	507.783.320.091	41.285.639.778
II. Nợ dài hạn	330		721.357.221.888	2.061.319.034.443
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	716.200.400.000	1.563.052.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10;11	5.156.821.888	498.267.034.443
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.16	8.936.268.080.504	6.223.477.868.871
I. Vốn chủ sở hữu	410		8.936.268.080.504	6.223.477.868.871
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		8.802.106.440.000	5.334.676.220.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		8.802.106.440.000	5.334.676.220.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		66.391.692.000	866.926.422.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		67.769.948.504	21.875.226.871
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		21.875.226.871	20.993.050.608
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		45.894.721.633	882.176.263
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		10.337.332.411.207	10.615.393.683.829

Người lập biểu

Huỳnh Minh Trường

Kế toán trưởng

Phạm Hữu Quốc

Lập ngày 24 tháng 01 năm 2025

Chủ tịch HĐQT



Phạm Minh Tuấn

(Theo Giấy ủy quyền số 05/2024/UQ-HĐQT-BCG ngày 21/05/2024)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Quý 4/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV.2024	Quý IV.2023	Từ ngày 1/1/2024 đến ngày 31/12/2024	Từ ngày 1/1/2023 đến ngày 31/12/2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V1.01	8.100.000.000	9.325.500.000	33.782.500.000	83.529.663.440
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		8.100.000.000	9.325.500.000	33.782.500.000	83.529.663.440
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	V1.02	4.642.811.046	3.266.449.363	20.143.258.735	12.231.841.121
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.457.188.954	6.059.050.637	13.639.241.265	71.297.822.319
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V1.03	31.007.934.323	24.000.721.311	116.860.525.391	82.935.744.826
7. Chi phí tài chính	22	V1.04	(12.560.626.680)	(1.648.225.023)	27.069.563.763	99.282.820.699
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		13.988.084.652	16.599.414.596	58.022.483.793	75.442.091.543
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V1.05	16.071.408.015	17.280.371.163	56.730.565.094	53.425.297.096
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		30.954.341.942	14.427.625.808	46.699.637.799	1.525.449.350
11. Thu nhập khác	31		-	-	100.000.000	-
12. Chi phí khác	32	V.06	400.000.000	14.083.200	904.916.166	615.111.087
13. Lợi nhuận khác	40		(400.000.000)	(14.083.200)	(804.916.166)	(615.111.087)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.554.341.942	14.413.542.608	45.894.721.633	910.338.263
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V1.08	-	28.162.000	-	28.162.000
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		30.554.341.942	14.385.380.608	45.894.721.633	882.176.263

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Huỳnh Minh Trường

Phạm Hữu Quốc

Phạm Minh Tuấn

(Theo Giấy ủy quyền số 03/2024/UQ-HĐQT-BCG ngày 21/05/2024)

Mẫu số B 03a – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 1/1/2024 đến ngày 31/12/2024	Từ ngày 1/1/2023 đến ngày 31/12/2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		45.894.721.633	910.338.263
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.015.380.128	2.070.074.858
- Các khoản (hoàn nhập dự phòng)/dự phòng	03		(31.695.656.526)	(12.988.273.008)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá	04		(953.264)	(902.700)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(114.636.201.912)	(42.287.847.532)
- Chi phí lãi vay	06		59.033.019.550	76.142.091.539
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(39.389.690.391)	23.845.481.420
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		52.496.180.637	23.649.664.519
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(24.521.280.000)	40.000.000
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải	11		(2.959.102.485.216)	(225.935.710.382)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(652.539.566)	75.491.517
- Tiền lãi vay đã trả	14		(63.469.486.351)	(74.448.881.931)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15			(28.162.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.034.639.300.887)	(252.802.116.857)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(104.196.363)	(443.631.818)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		100.000.000	557.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(797.750.478.000)	(110.252.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.082.177.239.000	12.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(198.058.100.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		419.000.000.000	362.555.989.800
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		108.909.418.395	77.460.775.256
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		614.273.883.032	342.378.133.238

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 1/1/2024 đến ngày 31/12/2024	Từ ngày 1/1/2023 đến ngày 31/12/2023
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		2.666.895.490.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		53.830.933.950	50.199.014.081
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(81.143.466.188)	(142.067.614.518)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(349.473.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.639.582.957.762	(92.218.073.437)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		219.217.539.907	(2.642.057.056)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		23.082.984.226	25.724.138.582
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		953.264	902.700
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII	242.301.477.397	23.082.984.226

Người lập biểu



Huỳnh Minh Trường

Kế toán trưởng



Phạm Hữu Quốc

Lập ngày 24 tháng 01 năm 2025

Phó Chủ tịch HĐQT




Phạm Minh Tuấn

(Theo Giấy ủy quyền số 05/2024/UQ-HĐQT-BCG ngày 21/05/2024)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 31 ngày 22/08/2024.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 8.802.106.440.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 8.802.106.440.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán "BCG".

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013). Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn sữa, các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, cà phê, cacao (trừ không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013) (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản (trừ: không thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng), quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Cho thuê ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Hoàn thiện công trình xây dựng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Khai thác quặng sắt. Khai thác quặng uranium và quặng thorium. Cung cấp các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và thực hiện các hoạt động đầu tư.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Không có đặc điểm hoạt động nào gây ảnh hưởng trọng yếu cần thiết phải công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

6. Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 92 nhân viên (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 83 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Quý 4/2024

7. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2024, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital có 01 (một) văn phòng đại diện, 09 (chín) Công ty con kiểm soát trực tiếp và 31 (ba mươi một) Công ty con kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Ngoài ra, Công ty có 02 (hai) Công ty liên kết sở hữu trực tiếp và 12 (mười hai) Công ty liên kết sở hữu gián tiếp thông qua Công ty con.

a. Danh sách văn phòng đại diện

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital tại TP. Hà Nội	Số 44 Nguyễn Thái Học, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

b. Danh sách các Công ty con trực tiếp

Tên đơn vị	Nơi đăng ký hoạt động	Ngành nghề kinh doanh chính	As at 01/01/2024			
			Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty CP Tập đoàn Xây dựng Tracodi (tên cũ: Công ty CP DT Phát Triển Công Nghiệp Và Vận Tải) (1)	TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình đường bộ	51,70%	43,90%	51,70%	43,90%
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Tỉnh Bình Định	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	55,64%	53,29%	55,64%	53,29%
Công ty Cổ phần BCG Land (2)	TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng nhà ở	71,53%	66,24%	71,53%	66,24%
Công ty Cổ phần BCG Energy (3)	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	51,41%	47,71%	50,66%	50,66%
Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Tỉnh Bình Định	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	80,00%	80,00%	80,00%	80,00%
Công ty Cổ phần BCG Financial	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đầu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)	80,00%	80,00%	80,00%	80,00%
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA (4)	TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và thực hiện các hoạt động đầu tư	75,79%	73,86%	80,64%	78,71%
Công ty TNHH Helios Village (5)	Tỉnh Đắk Nông	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	-	-	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Phoenix Mountain	Tỉnh Bình Định	Dịch vụ lưu trữ ngắn ngày	100,00%	86,59%	100,00%	86,59%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco (6)	Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	51,14%	21,01%	-	-

b. Danh sách các Công ty con trực tiếp (Tiếp theo)

Ghi chú:

(1) Theo các văn bản ủy quyền biểu quyết ngày 13/06/2023 và ngày 01/01/2024, các Cổ đông của Công ty CP Tập đoàn Xây dựng Tracodi đã ủy quyền khoảng 7,8% quyền biểu quyết cho Công ty. Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital nắm giữ 51,7% quyền biểu quyết trong Công ty này.

(2) Theo văn bản ủy quyền biểu quyết ngày 06/06/2024, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital đã ủy quyền 11% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần BCG Land cho Công ty CP Tập đoàn Xây dựng Tracodi. Tổng quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp đối với Công ty Cổ phần BCG Land mà Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital nắm giữ là 71,53% quyền biểu quyết.

(3) Thực hiện Nghị quyết HĐQT số 48/2024/NQ-HĐQT-BCG ngày 03/06/2024, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital đã thoái phần vốn góp tương ứng 2,95% vốn góp của chủ sở hữu Công ty Cổ phần BCG Energy, giám tỷ lệ sở hữu xuống còn 47,71%.

Theo các văn bản ủy quyền biểu quyết ngày 11/06/2024, các Cổ đông của Công ty Cổ phần BCG Energy đã ủy quyền khoảng 3,7% quyền biểu quyết cho Công ty. Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital nắm giữ 51,41% quyền biểu quyết trong Công ty này.

(4) Thực hiện Nghị quyết HĐQT số 06/2024/NQ-HĐQT-BCG ngày 18/01/2024, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital đã góp vốn bổ sung vào Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA theo phương thức chào bán cho cổ đông hiện hữu do Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA phát hành theo thông báo số 01/2024/TB-AAA/HĐQT. Giá trị đầu tư thêm trong kỳ là 193.058.100.000 đồng tương đương với 19.305.810 cổ phần, tỷ lệ sau đợt góp vốn là 66,15%. Ngoài ra, Công ty còn có quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty con là 9,64%, nâng tổng tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty lên 75,79%.

(5) Thực hiện Nghị quyết HĐQT số 03/2024/NQ-HĐQT-BCG ngày 11/01/2024, Công ty đã thoái phần vốn góp tương ứng 51% vốn điều lệ tại Công ty TNHH Helios Village ("Helios Village"), giám tỷ lệ sở hữu xuống còn 49%. Theo đó, chuyển mối quan hệ với Công ty Helios Village từ đầu tư vào Công ty con sang đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết.

(6) Theo các văn bản ủy quyền biểu quyết ngày 05/04/2024, các Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tiptarco đã ủy quyền khoảng 30,13% quyền biểu quyết cho Công ty. Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital nắm giữ 51,14% quyền biểu quyết trong Công ty này. Theo đó, chuyển mối quan hệ với Công ty Cổ phần Dược phẩm Tiptarco từ đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết sang đầu tư vào Công ty con.

c. Danh sách các Công ty con gián tiếp

Tên đơn vị	Nơi đăng ký hoạt động	Ngành nghề kinh doanh chính	As at 31/12/2024		As at 01/01/2024	
			Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác và Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Tỉnh An Giang	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	51,00%	21,95%	51,00%	21,95%
Công ty Cổ phần Nước Sạch Life Purity	TP. Hồ Chí Minh	Khai thác đá, xử lý và cung cấp nước	51,00%	22,39%	51,00%	22,39%
Công ty Cổ phần TCD Plus	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chi sử dụng hoặc đi thuê	80,00%	35,12%	80,00%	35,12%
Công ty Taxi Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	51,00%	22,39%	51,00%	22,39%
Công ty TNHH Trascodi E&C	TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình đường bộ	99,80%	43,81%	99,80%	43,81%
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Tỉnh Phú Yên	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	95,00%	50,63%	95,00%	50,63%
Công ty Cổ phần Tapiotek	Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	51,00%	27,18%	51,00%	27,18%
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Tỉnh Bình Định	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn	70,00%	46,37%	70,00%	46,37%
Công ty Cổ phần Thương Mại Vxperia	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo	65,00%	43,05%	65,00%	43,05%
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	65,00%	43,05%	65,00%	43,05%
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Tỉnh Quảng Nam	Kinh doanh bất động sản	89,00%	58,95%	89,00%	58,95%
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Cồn Bắp	Tỉnh Quảng Nam	Kinh doanh bất động sản	50,10%	33,18%	50,10%	33,18%
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Tỉnh Sóc Trăng	Sản xuất điện	90,00%	42,94%	90,00%	45,59%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	Tỉnh Long An	Sản xuất đồ điện dân dụng	90,00%	42,94%	91,84%	46,52%
Công ty Cổ phần Skylar	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	99,00%	47,24%	99,00%	50,15%
Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng Lượng Sạch (7)	Tỉnh Bình Định	Sản xuất điện	51,00%	19,70%	51,00%	20,91%

c. Danh sách các Công ty con gián tiếp (Tiếp theo)

Tên đơn vị	Nơi đăng ký hoạt động	Ngành nghề kinh doanh chính	As at 31/12/2024		As at 01/01/2024	
			Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Greensky Infnitive	TP. Hồ Chí Minh	Lắp đặt hệ thống xây dựng điện	-	-	99,80%	50,05%
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Tỉnh Gia Lai	Sản xuất điện	100,00%	45,84%	100,00%	47,35%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Tỉnh Trà Vinh	Sản xuất điện	100,00%	47,67%	100,00%	50,61%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Tỉnh Trà Vinh	Sản xuất điện	100,00%	47,68%	100,00%	50,62%
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	99,00%	47,24%	99,00%	50,15%
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất điện	50,50%	24,09%	50,50%	25,58%
Công ty Cổ phần Cosmos Solar	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	-	-	99,00%	49,65%
Công ty Cổ phần Herb Solar	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	69,00%	32,59%	69,00%	34,60%
Công ty Cổ phần Orchid Solar	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	69,00%	32,59%	69,00%	34,60%
Công ty Cổ phần Violet Solar	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	69,00%	32,59%	69,00%	34,60%
Công ty Cổ phần BCG GALA	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động tư vấn quản lý	50,97%	23,97%	50,97%	25,45%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Bàng Dương	Tỉnh Long An	Sản xuất điện	100,00%	24,07%	100,00%	25,55%
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương	Tỉnh Long An	Sản xuất điện	100,00%	24,07%	100,00%	25,55%
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy	TP. Hà Nội	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	99,80%	47,14%	99,80%	50,05%
Công ty Cổ phần BCG Điện gió Điện Biên Đông (8)	Tỉnh Điện Biên	Sản xuất điện	99,98%	47,70%	-	-
Công ty Cổ phần Aton (9)	TP. Hồ Chí Minh	Truyền tải và phân phối điện	90,00%	44,56%	-	-
Công ty CP BCG Eco (10)	TP. Hồ Chí Minh	Trồng rừng, chăm sóc rừng	51,00%	42,22%	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Quý 4/2024

Ghi chú:

(7) Theo các văn bản ủy quyền biểu quyết về điều kiện và không hủy ngang trong năm 2021, một số Cổ đông đã ủy quyền quyền biểu quyết tương ứng 9,72% tổng số quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhân Năng lượng Sạch cho Công ty Cổ phần BCG Energy. Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital nắm giữ 51% quyền biểu quyết gián tiếp thông qua công ty con - Công ty Cổ phần BCG Energy trong Công ty này.

(8) Trong kỳ, Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Energy đã tiến hành góp vốn thành lập Công ty Cổ phần BCG Điện giới Điện Biển Đông với tỷ lệ góp vốn 99,98%.

(9) Trong kỳ, Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Energy và Công ty Cổ phần BCG Financial đã tiến hành góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Aton với tỷ lệ góp vốn 90%.

(10) Trong kỳ, Công ty và Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land đã tiến hành góp vốn thành lập Công ty Cổ phần BCG Eco với tỷ lệ góp vốn 51%.

d. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết trực tiếp

Tên đơn vị	Nơi đăng ký hoạt động	Ngành nghề kinh doanh chính	As at 31/12/2024		As at 01/01/2024	
			Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH B.O.TĐT 830	Tỉnh Long An	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	38,00%	38,00%	38,00%	38,00%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco (6)	Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	-	-	21,01%	21,01%
Công ty TNHH Helios Village (5)	Tỉnh Đắk Nông	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	49,00%	49,00%	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng
Quý 4/2024**c. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con**

Tên đơn vị	Nơi đăng ký hoạt động	Ngành nghề kinh doanh chính	As at 01/01/2024			
			Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Skylight Power	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	50,00%	23,86%	50,00%	25,33%
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	49,00%	23,38%	49,00%	24,82%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	49,00%	32,46%	49,00%	32,46%
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	50,00%	23,62%	50,00%	25,08%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sơn Long	Tỉnh Quang Ninh	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	40,63%	17,83%	40,63%	17,83%
Công ty Cổ phần Bất Động Sản An Giang	Tỉnh An Giang	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	36,71%	27,12%	36,71%	28,90%
Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	TP. Hồ Chí Minh	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	25,00%	11,93%	-	-
Công Ty Cổ Phần TSN Hà Nam	Tỉnh Hà Nam	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	45,00%	21,47%	-	-
Công Ty Cổ Phần TSN Hòa Đất	Tỉnh Kiên Giang	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	45,00%	21,47%	-	-
Công Ty Cổ Phần TSN Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	45,00%	21,47%	-	-
Công Ty Cổ Phần TSN Long An	Tỉnh Long An	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	45,00%	21,47%	-	-
Công ty Cổ phần Core Vietnam	TP. Hồ Chí Minh	Tư vấn đầu tư	30,00%	24,00%	-	-

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính Quý 4 là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân giá quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài Công ty nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phân ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng đầu tư tài chính: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bán chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi cần được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

b. Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban điều hành thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban điều hành thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban điều hành thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

e. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban điều hành thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Phân loại các khoản cho vay khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản cho vay có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản cho vay có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định ("TSCĐ")

a. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương án đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
- Máy móc thiết bị	03
- Phương tiện vận tải	04 - 06
- Thiết bị văn phòng	02 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá, khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03-10 năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận các Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận tài sản trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước;
- Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ kế toán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa chi phí đi vay

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, công ty tài chính và các đối tượng khác.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

10. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu thương

Trái phiếu thương được ghi nhận và theo dõi như khoản vay của doanh nghiệp kể từ khi thực thu được tiền từ đợt phát hành đến khi hoàn tất việc thanh toán cho trái chủ.

Khi lập Báo cáo tài chính, trên Bảng cân đối kế toán trong phần nợ phải trả thì chỉ tiêu trái phiếu phát hành được phản ánh trên cơ sở thuần (xác định bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu).

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm mệnh giá của trái phiếu. Định kỳ, kế toán phân bổ chi phí phát hành trái phiếu bằng cách ghi tăng giá trị mệnh giá trái phiếu và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

a. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

b. Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

c. Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức và lợi nhuận từ các đơn vị đầu tư.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư,... được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ kế toán chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, chi phí đi vay và phát hành trái phiếu, chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư, dự phòng đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và chi phí tài chính khác.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác,...

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

18. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

19. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Ngày 31/12/2024</i>	<i>Ngày 01/01/2024</i>
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	242.296.477.397	12.672.984.226
- Các khoản tương đương tiền	5.000.000	10.410.000.000
Cộng	242.301.477.397	23.082.984.226

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<i>Ngày 31/12/2024</i>	<i>Ngày 01/01/2024</i>
a. Ngắn hạn	7.643.900.000	20.913.010.602
- Công ty Cổ phần BCG Energy	1.647.200.000	5.372.067.374
- Công ty CP Tập đoàn Xây dựng Tracodi	-	2.432.343.228
- Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	-	5.800.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	-	4.100.000.000
- Công ty Cổ phần BCG Land	3.110.400.000	2.665.600.000
- Các khách hàng khác	2.886.300.000	543.000.000
b. Dài hạn	-	-

c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1.c).

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<i>Ngày 31/12/2024</i>	<i>Ngày 01/01/2024</i>
a. Ngắn hạn	8.792.625.921	5.843.111.360
- Các khách hàng khác	8.792.625.921	5.843.111.360
b. Dài hạn	-	-

4. PHẢI THU VỀ CHO VAY

		Ngày 31/12/2024	Ngày 01/01/2024
a. Ngắn hạn		52.360.239.000	6.152.000.000
- Công ty CP Tập đoàn Xây dựng Tracodi	(1)	52.360.239.000	-
- Công ty Cổ phần HTC Holding		-	6.152.000.000
b. Dài hạn		264.445.000.000	594.100.000.000
- Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	(2)	47.000.000.000	247.000.000.000
- Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	(2)	53.000.000.000	253.000.000.000
- Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	(3)	151.445.000.000	62.500.000.000
- Công ty CP Tập đoàn Xây dựng Tracodi	(1)	-	31.600.000.000
- Các khách hàng khác		13.000.000.000	-

Ghi chú:

(1) Đây là khoản cho Công ty con vay theo hợp đồng vay tiền số 0510/2023/HĐVT-BCG-TCD ngày 05/10/2023. Thời hạn vay là 24 tháng. Lãi suất 10%/năm. Mục đích để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh - cụ thể là: tham gia đầu tư dự án khai thác chế biến mỏ đá xây dựng Núi Kiết. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(2) Đây là các khoản cho vay theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay ngày 19/11/2021 và các phụ lục kèm theo với Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2. Thời hạn của khoản vay là 05 năm. Lãi suất được hai bên thỏa thuận theo hợp đồng và các phụ lục điều chỉnh. Mục đích vay để thanh toán một phần tiền của giá trị hợp đồng mua sắm, lắp đặt thiết bị và thi công công trình nhà máy điện gió Đông Thành 2 tại tỉnh Trà Vinh. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

- Hợp đồng vay ngày 19/11/2021 và các phụ lục kèm theo với Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng. Thời hạn của khoản vay là 05 năm. Lãi suất được hai bên thỏa thuận theo hợp đồng và các phụ lục điều chỉnh. Mục đích vay để thanh toán một phần tiền của giá trị hợp đồng mua sắm, lắp đặt thiết bị và thi công công trình nhà máy điện gió BCG Sóc Trăng 1 tại tỉnh Sóc Trăng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(3) Số dư tại ngày 31/12/2024 là của Hợp đồng vay vốn số 01/2023/HĐVV/BCG-IHA ngày 10/02/2023 và các Phụ lục hợp đồng kèm theo. Thời hạn vay là 05 năm. Lãi suất 11%/năm. Mục đích để bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh (bao gồm nhưng không giới hạn việc trả nợ vay, trả nợ nhà thầu, nhà cung cấp, chi phí xây dựng...). Đây là khoản vay tín chấp.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Ngày 31/12/2024		Ngày 01/01/2024		
	Giá trị gốc	Giá trị ghi sổ	Dư phòng	Giá trị ghi sổ	Dư phòng
a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	720.000.000	720.000.000	-	1.700.000.000	1.700.000.000
a.1. Ngân hạn	720.000.000	720.000.000	-	1.700.000.000	1.700.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu	-	-	-	980.000.000	980.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (*)	720.000.000	720.000.000	-	720.000.000	720.000.000
a.2. Dài hạn	-	-	-	-	-
Cộng	720.000.000	720.000.000	-	1.700.000.000	1.700.000.000

Ghi chú:

(*) Tại ngày 31/12/2024 đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Quý 4/2024

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Ngày 31/12/2024		Ngày 01/01/2024	
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	9.752.203.277.738	(67.223.228.574)	9.973.145.177.738	(98.918.885.100)
b.1 Đầu tư vào công ty con	9.467.823.601.445	(32.949.284.879)	9.860.571.501.445	(36.905.245.275)
+ Công ty CP Tập đoàn Xây dựng Tracodi (tên cũ: Công ty CPĐT Phát Triển Công Nghiệp Và Vận Tải)	1.348.987.070.067	-	1.348.987.070.067	-
+ Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	236.698.053.098	-	236.698.053.098	-
+ Công ty Cổ phần BCG Land	2.856.400.000.000	-	2.856.400.000.000	-
+ Công ty Cổ phần BCG Energy	3.483.000.000.000	-	3.698.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinch	384.000.000.000	-	384.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần BCG Financial	320.000.000.000	-	320.000.000.000	-
+ Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	509.544.478.280	(32.949.284.879)	316.486.378.280	(36.905.245.275)
+ Công ty TNHH Phoenix Mountain	300.000.000.000	-	300.000.000.000	-
+ Công ty TNHH Helios Village	-	-	400.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	29.194.000.000	-	-	-
b.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	282.700.000.000	(34.273.943.695)	110.894.000.000	(62.013.639.825)
+ Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	81.700.000.000	(34.273.943.695)	81.700.000.000	(62.013.639.825)
+ Công ty TNHH Helios Village	196.000.000.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	-	-	29.194.000.000	-
+ Công ty Cổ phần BCG Eco	5.000.000.000	-	-	-
b.3 Đầu tư vào các đơn vị khác	1.679.676.293	-	1.679.676.293	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam	69.210.933	-	69.210.933	-
+ Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn lực & DV Dầu khí VN	99.945.360	-	99.945.360	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Năng lượng VN	360.000.000	-	360.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bàng Dương	365.520.000	-	365.520.000	-
+ Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương	785.000.000	-	785.000.000	-
Cộng	9.752.203.277.738	(67.223.228.574)	9.973.145.177.738	(98.918.885.100)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(*) Tại ngày 01/01/2024 và ngày 31/12/2024, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để trình bày thuyết minh do không áp dụng được giá niêm yết trên thị trường chứng khoán và/hoặc các quy định về Chế độ kế toán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý có sử dụng kỹ thuật định giá.

(1) Theo Nghị quyết hội đồng quản trị số 68/2024/NQ-HĐQT-BCG, Công ty đã tiến hành góp vốn để thành lập Công ty Cổ Phần BCG Eco

6. PHẢI THU KHÁC

	Ngày 31/12/2024		Ngày 01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	39.807.350.092	-	77.233.944.516	-
- Phải thu người lao động (tạm ứng)	502.072.148	-	113.332.402	-
- Ký cược, ký quỹ	19.000.000	-	19.000.000	-
- Phải thu từ lãi cho vay	33.772.871.192	-	28.146.087.675	-
+ Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	11.435.326.027	-	13.909.490.411	-
+ Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	11.913.030.140	-	12.022.427.400	-
+ Đối tượng khác	10.424.515.025	-	2.214.169.864	-
- Phải thu từ gốc BCC	-	-	40.500.000.000	-
+ Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	-	-	40.500.000.000	-
- Phải thu từ lãi BCC	-	-	913.301.369	-
+ Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	-	-	913.301.369	-
- Phải thu khác	5.513.406.752	-	7.542.223.070	-
+ Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	5.475.000.000	-	5.475.000.000	-
+ Đối tượng khác	38.406.752	-	2.067.223.070	-
b. Dài hạn	726.827.373	-	726.827.373	-
- Ký cược, ký quỹ	726.827.373	-	726.827.373	-
Cộng	40.534.177.465	-	77.960.771.889	-

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Mỹ mức thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	60.000.000	12.706.612.182	1.028.261.655	13.794.873.837
2. Số tăng trong kỳ	-	-	104.196.363	104.196.363
- Mua trong kỳ	-	-	104.196.363	104.196.363
3. Số giảm trong kỳ	-	542.600.000	-	542.600.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	542.600.000	-	542.600.000
4. Số dư cuối kỳ	60.000.000	12.164.012.182	1.132.458.018	13.356.470.200
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu năm	60.000.000	6.927.506.772	844.276.436	7.831.783.208
2. Tăng trong kỳ	-	1.612.028.196	137.641.932	1.749.670.128
- Khấu hao tăng trong kỳ	-	1.612.028.196	137.641.932	1.749.670.128
3. Giảm trong kỳ	-	542.600.000	-	542.600.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	542.600.000	-	542.600.000
4. Số dư cuối kỳ	60.000.000	7.996.934.968	981.918.368	9.038.853.336
III. Giá trị còn lại				
1. Số dư đầu năm	-	5.779.105.410	183.985.219	5.963.090.629
2. Số dư cuối kỳ	-	4.167.077.214	150.539.650	4.317.616.864

Ghi chú:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 730.395.913 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.209.360.469 VND) đã được thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Xem thuyết minh V.10).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 3.008.649.655 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 3.551.249.655 VND).

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	2.734.054.546	2.734.054.546
2. Số tăng trong kỳ	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	2.734.054.546	2.734.054.546
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
1. Số dư đầu năm	385.997.878	385.997.878
2. Tăng trong kỳ	265.710.000	265.710.000
- Khấu hao tăng trong kỳ	265.710.000	265.710.000
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	651.707.878	651.707.878
III. Giá trị còn lại		
1. Số dư đầu năm	2.348.056.668	2.348.056.668
2. Số dư cuối kỳ	2.082.346.668	2.082.346.668

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngày 31/12/2024	Ngày 01/01/2024
a. Ngắn hạn		
- Chi phí khác	1.100.192.718	168.310.422
b. Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa	703.167.427	1.442.871.415
- Chi phí công cụ, dụng cụ	127.481.461	312.120.203
- Chi phí bảo hiểm	940.000.000	1.180.000.000
- Phần mềm tin học	885.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng
Quý 4/2024

10. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Ngày 01/01/2024		Trong kỳ		Ngày 31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tổng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	41.285.639.778	41.285.639.778	549.799.479.842	83.301.799.529	507.783.320.091	507.783.320.091
<i>a.1 Vay ngắn hạn</i>	<i>28.898.193.882</i>	<i>28.898.193.882</i>	<i>48.830.933.950</i>	<i>68.756.020.292</i>	<i>8.973.107.540</i>	<i>8.973.107.540</i>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Chiểu	12.920.765.588	12.920.765.588	4.556.410.470	17.477.176.058	-	-
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam (1)	15.977.428.294	15.977.428.294	44.274.523.480	51.278.844.234	8.973.107.540	8.973.107.540
<i>a.2 Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>12.387.445.896</i>	<i>12.387.445.896</i>	<i>268.545.896</i>	<i>12.387.445.896</i>	<i>268.545.896</i>	<i>268.545.896</i>
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (2)	178.350.000	178.350.000	59.450.000	178.350.000	59.450.000	59.450.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	12.000.000.000	12.000.000.000	-	12.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong (3)	209.095.896	209.095.896	209.095.896	209.095.896	209.095.896	209.095.896
<i>b.3 Trái phiếu thường</i>			<i>500.699.999.996</i>	<i>2.158.333.341</i>	<i>498.541.666.655</i>	<i>498.541.666.655</i>
- Loại phát hành theo mệnh giá (4)	-	-	500.000.000.000	-	500.000.000.000	500.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	-	699.999.996	2.158.333.341	(1.458.333.345)	(1.458.333.345)
b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	498.267.034.443	498.267.034.443	7.158.333.341	500.268.545.896	5.156.821.888	5.156.821.888
<i>Δ.1 Vay dài hạn</i>	<i>425.367.784</i>	<i>425.367.784</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>268.545.896</i>	<i>5.156.821.888</i>	<i>5.156.821.888</i>
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (2)	59.450.000	59.450.000	-	59.450.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong (3)	365.917.784	365.917.784	-	209.095.896	156.821.888	156.821.888
+ Công ty Cổ phần BCG Financial	-	-	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000
<i>Δ.2 Trái phiếu thường</i>	<i>497.841.666.659</i>	<i>497.841.666.659</i>	<i>2.158.333.341</i>	<i>500.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
- Loại phát hành theo mệnh giá (4)	500.000.000.000	500.000.000.000	-	500.000.000.000	-	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(2.158.333.341)	(2.158.333.341)	2.158.333.341	-	-	-

10. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(1) Đây là khoản vay tại Công ty cổ phần chứng khoán ngân hàng Công Thương Việt Nam theo hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ ngày 23/11/2023. Hạn mức cho vay là 20 tỷ đồng. Thời hạn cho vay là 90 ngày kể từ ngày giải ngân khoản vay. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty là 7.924.481 cổ phiếu mã "TCD".

(2) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín theo hợp đồng tín dụng ký ngày 20/04/2020. Mục đích vay mua xe ô tô doanh nghiệp. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải của công ty. Lãi suất 6 tháng đầu tiên là 10,8%/năm, từ tháng thứ 7 trở đi lãi suất sẽ được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi cá nhân 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của số tiền huy động bậc thang cao nhất của Sacombank + biên độ 3%/năm và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần.

(3) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng vay số 213/2020/HDTD/GDH/01 ngày 09/09/2020 mục đích để vay mua 2 xe ô tô mục đích đi lại và chở cán bộ công nhân viên. Thời hạn vay là 72 tháng kể từ ngày 10/09/2020 đến ngày 09/09/2026. Lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 09/09/2021 là 9,4%/năm, Lãi các kỳ tiếp theo sẽ được điều chỉnh 3 tháng 1 lần bằng lãi suất cơ sở 03 tháng VND của TPbank tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 4,6%/năm.

(4) Xem thuyết minh V.11

11. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

	Ngày 01/01/2024				Ngày 31/12/2024			
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn		
- Loại phát hành theo mệnh giá	500.000.000.000 (*)	12,3%/ năm	5 năm	500.000.000.000	10,675%/năm	5 năm		
Cộng	500.000.000.000			500.000.000.000				

(*) Trái phiếu chào bán ra công chúng và đã được niêm yết tại HNX với Mã trái phiếu là BCG122006, Mệnh giá: 100.000 đồng/Trái phiếu. Kỳ hạn trái phiếu: 5 năm. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, và không có đảm bảo. Trái phiếu có lãi suất cố định và lãi suất thả nổi được xác định như sau: 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 11,5%/năm. Các kỳ tính lãi tiếp theo sau 2 kỳ tính lãi đầu tiên là lãi suất thả nổi được xác định theo công thức như sau: Lãi suất = lãi suất tham chiếu tại kỳ tính lãi đó + biên độ 6%/năm. Thực hiện Nghị quyết 80/2024/NQ-HDQT -BCG ngày 25/12/2024 và nghị quyết 02/2025/NQ-HDQT-BCG, Công ty sẽ mua lại trước hạn trái phiếu. Theo Nghị quyết 80/2024/NQ-HDQT -BCG ngày 17/01/2025, Công ty tiến hành mua lại trái phiếu trước hạn. Tại thời điểm phát hành báo cáo, công ty đã tiến hành hoàn thiện việc mua lại đợt 1 số lượng 3.971.632 trái phiếu.

12. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Ngày 31/12/2024		Ngày 01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	33.559.074.351	33.559.074.351	19.229.406.817	19.229.406.817
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	16.108.087.763	16.108.087.763	14.072.766.945	14.072.766.945
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Shuaa	585.342.838	585.342.838	2.621.757.602	2.621.757.602
- Woomi Global Company Limited	12.375.000.000	12.375.000.000	-	-
- Các khách hàng khác	4.490.643.750	4.490.643.750	2.534.882.270	2.534.882.270
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	33.559.074.351	33.559.074.351	19.229.406.817	19.229.406.817

c. Phải trả người bán là các bên liên quan

(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1.c)

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Ngày 01/01/2024		Ngày 31/12/2024	
	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ
a. Phải nộp	377.473.419	5.852.892.928	5.594.985.159	635.381.188
Thuế giá trị gia tăng	25.572.344	121.752.131	147.324.475	-
Thuế thu nhập cá nhân	351.901.075	4.480.913.932	4.197.433.819	635.381.188
Thuế khác	-	1.250.226.865	1.250.226.865	-
b. Phải thu	1.063.777	-	-	1.063.777
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.063.777	-	-	1,063.777

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 31/12/2024		Ngày 01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	29.970.971.233	29.970.971.233	34.592.945.115	34.592.945.115
- Trích trước chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	24.128.424.657	24.128.424.657	28.001.119.674	28.001.119.674
- Trích trước lãi hợp đồng tác kinh doanh	5.041.825.441	5.041.825.441	5,041.825.441	5,041.825.441
- Các khoản khác	800.721.135	800.721.135	1.550.000.000	1.550.000.000
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	29.970.971.233	29.970.971.233	34.592.945.115	34.592.945.115

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Ngày 31/12/2024</i>	<i>Ngày 01/01/2024</i>
a. Ngân hạn	107.390.361.952	2.232.720.193.960
- KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	338.255.700	236.472.640
- Phải trả khác	107.052.106.252	2.232.483.721.320
+ Công ty TNHH Kinh Doanh Dịch vụ BĐS <i>Thông Long</i>	-	378.000.000.000
+ Công ty Cổ phần BCG Financial	-	282.500.000.000
+ Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết kế xây dựng <i>Tầm Nhìn Mới</i>	-	1.425.000.000.000
+ Trần Thuỳ Dung	-	30.920.300.000
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Chè Thủy	91.063.000.000	-
+ Các đối tượng khác	15.989.106.252	116.063.421.320
b. Dài hạn	716.200.400.000	1.563.052.000.000
- Phải trả gốc từ BCC	716.200.400.000	1.563.052.000.000
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Chè Thủy	-	520.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ <i>Gia Khang</i>	-	104.000.000.000
+ Công ty Cổ phần BCG Land (1)	420.000.000.000	420.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Artemis Investment (2)	296.200.400.000	279.500.000.000
+ Công ty Cổ phần Artemis Investment	-	239.552.000.000
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-

Ghi chú:

(1) Đây là khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1805/2022/HĐ-HTĐT-BCG-HL ngày 18/05/2022 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần BCG Land về việc đầu tư vào Dự án Khu dân cư Tổ 5, Phường Nghĩa Phú, tại Phường Nghĩa Phú, Thành phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông do Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital làm chủ đầu tư. Thời gian thực hiện 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận được tính theo: (1) phân chia bằng tiền mặt: lợi nhuận sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn trong tổng mức đầu tư sau khi dự án đưa vào vận hành thực tế; (2) phân chia bằng sản phẩm dự án: sau khi dự án hoàn tất xây dựng, có Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng và quyết toán thì các bên sẽ tiến hành phân chia sản phẩm theo tỷ lệ góp vốn của các bên.

(2) Đây là khoản nhận được theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 04/2023/HTKD-BCG-ART ngày 20/10/2023 giữa Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần Artemis Investment về việc đầu tư vào Dự án Khu dân cư Tổ 5, Phường Nghĩa Phú, tại Phường Nghĩa Phú, Thành phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông do Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital làm chủ đầu tư. Thời gian hợp tác là 04 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Dựa vào kết quả đầu tư kinh doanh vào các dự án, các bên phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế của dự án, việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2023	5.334.676.220.000	866.926.422.000	20.993.050.608	6.222.595.692.608
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	882.176.263	882.176.263
Số dư tại ngày 31/12/2023	5.334.676.220.000	866.926.422.000	21.875.226.871	6.223.477.868.871
Số dư tại ngày 01/01/2024	5.334.676.220.000	866.926.422.000	21.875.226.871	6.223.477.868.871
- Tăng vốn trong kỳ từ chào bán cho cổ đông hiện hữu (*)	2.667.290.030.000	-	-	2.667.290.030.000
- Phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần (**)	800.140.190.000	(800.140.190.000)	-	-
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	45.894.721.633	45.894.721.633
- Các chi phí phát sinh khi phát hành cổ phiếu trong kỳ	-	(394.540.000)	-	(394.540.000)
Số dư tại ngày 31/12/2024	8.802.106.440.000	66.391.692.000	67.769.948.504	8.936.268.080.504

Ghi chú:

(*) Thực hiện Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông có đóng số 06/2022/NQ-DHDCD-BCG ngày 22/07/2022, Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông có đóng số 02/2023/NQ-DHDCD-BCG ngày 15/03/2023 và các Nghị Quyết Hội đồng quản trị có liên quan, Công ty thực hiện chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty. Tổng số cổ phiếu đã được phân phối trong đợt phát hành: 266.729.003 cổ phiếu.

(**) Thực hiện Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông có đóng số 04/2024/NQ-DHDCD-BCG ngày 27/04/2024 và Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 63/2024/NQ-HDQT-BCG ngày 03/07/2024, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ thặng dư vốn cổ phần để tăng vốn điều lệ Công ty. Tổng số cổ phiếu đã được phát hành trong đợt phát hành: 80.014.019 cổ phiếu.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Ngày 31/12/2024</u>	<u>Ngày 01/01/2024</u>
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Tổ chức, cá nhân khác	8.802.106.440.000	5.334.676.220.000
Cộng	<u>8.802.106.440.000</u>	<u>5.334.676.220.000</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024</u>	<u>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023</u>
- <i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
+ Vốn góp đầu kỳ	5.334.676.220.000	5.334.676.220.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	3.467.430.220.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	8.802.106.440.000	5.334.676.220.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</i>	-	-

d. Cổ phiếu

	<u>Ngày 31/12/2024</u>	<u>Ngày 01/01/2024</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	880.210.644	533.467.622
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	880.210.644	533.467.622
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	880.210.644	533.467.622
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	880.210.644	533.467.622
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	880.210.644	533.467.622

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN

	<u>Ngày 31/12/2024</u>	<u>Ngày 01/01/2024</u>
<i>a. Ngoại tệ các loại</i>		
- Đô la Mỹ (USD)	843,82	870,22

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG

Đơn vị tính: VND

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<i>Quý IV.2024</i>	<i>Quý IV.2023</i>
<i>a. Tổng doanh thu</i>	8.100.000.000	9.325.500.000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.100.000.000	9.325.500.000
<i>b. Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.100.000.000	9.325.500.000
<i>c. Doanh thu đối với các bên liên quan</i>		

(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1.b).

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Quý IV.2024</i>	<i>Quý IV.2023</i>
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.642.811.046	3.266.449.363
Cộng	4.642.811.046	3.266.449.363

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Quý IV.2024</i>	<i>Quý IV.2023</i>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	30.884.015.958	22.814.499.342
- Lãi do bán các khoản đầu tư	-	62.431.250
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	959.461	886.609
- Lãi phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư	122.958.904	1.122.904.110
Cộng	31.007.934.323	24.000.721.311

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Quý IV.2024</i>	<i>Quý IV.2023</i>
- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	13.988.084.652	16.590.414.596
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	18.753.000	-
- Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) đầu tư tài chính	(26.742.464.331)	(18.413.639.618)
- Chi phí tài chính khác	174.999.999	174.999.999
Cộng	(12.560.626.680)	(1.648.225.023)

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Quý IV.2024</i>	<i>Quý IV.2023</i>
<i>a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>	-	-
<i>b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>	16.071.408.015	17.280.371.163
- Chi phí nhân viên quản lý	3.816.733.292	5.171.635.998
- Chi phí vật liệu quản lý	506.884.327	557.037.773
- Chi phí đồ dùng văn phòng	49.369.975	107.089.015
- Chi phí khấu hao TSCĐ	504.065.790	501.857.304
- Thuế, phí và lệ phí	3.181.818	11.333.387
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.745.499.005	9.051.038.592
- Chi phí bằng tiền khác	445.673.808	1.880.379.094

6 CHI PHÍ KHÁC

	<i>Quý IV.2024</i>	<i>Quý IV.2023</i>
- Chi phí từ thiện	400.000.000	-
- Chi phí khác	-	14.083.200
Cộng	400.000.000	14.083.200

7 CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Quý IV.2024</i>	<i>Quý IV.2023</i>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	506.884.327	557.037.773
- Chi phí nhân công	3.816.733.292	5.171.635.998
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	504.065.790	501.857.304
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.745.499.005	9.051.038.592
- Chi phí bằng tiền khác	498.225.601	1.998.801.496
Cộng	16.071.408.015	17.280.371.163

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<i>Quý IV.2024</i>	<i>Quý IV.2023</i>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.554.341.942	14.413.542.608
- Các khoản điều chỉnh tăng / (giảm) lợi nhuận kế toán trước thuế	592.200.001	(471.299.999)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	592.200.001	192.200.001
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	(663.500.000)
- Tổng thu nhập chịu thuế	31.146.541.943	13.942.242.609
+ Lỗ từ các năm trước chuyển sang	(31.146.541.943)	(13.942.242.609)
- Tổng thu nhập tính thuế	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	28.162.000

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

1. Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024</i>	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023</i>
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành ESOP từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối	-	301.621.850.000
- Phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần (*)	800.140.190.000	-

Ghi chú:

(*) Trong năm, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ thặng dư vốn cổ phần để tăng vốn điều lệ Công ty. Tổng số cổ phiếu đã được phát hành trong đợt phát hành: 80.014.019 cổ phiếu.

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không phát sinh.

3. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024</i>	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023</i>
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	53.830.933.950	50.199.014.081
Cộng	53.830.933.950	50.199.014.081

4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong năm

	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024</i>	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023</i>
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	81.143.466.188	142.067.614.518
Cộng	81.143.466.188	142.067.614.518

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Các bên liên quan

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty CP Tập đoàn Xây dựng Tracodi	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Land	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Energy	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Financial	Công ty con
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	Công ty con
Công ty TNHH Phoenix Mountain	Công ty con
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	Công ty con (chuyển đổi từ Công ty liên kết từ ngày 05/04/2024)
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác và Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Nước Sạch Life Purity	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần TCD Plus	Công ty con gián tiếp
Công ty Taxi Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Tracodi E&C	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tapiotek	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thương Mại Vxperia	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Cồn Bắp	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Skylar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng Lượng Sạch	Công ty con gián tiếp

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Greensky Infnitive	Công ty con gián tiếp (thoái vốn từ ngày 05/09/2024)
Công ty Cổ phần Cosmos Solar	Công ty con gián tiếp (giải thể ngày 20/02/2024)
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện gió Đồng Thành 1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện gió Đồng Thành 2	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Aural Wind Energy	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Herb Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Orchid Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Violet Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG GAIA	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Băng Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Điện gió Điện Biên Đông	Công ty con gián tiếp (từ ngày 24/04/2024)
Công ty Cổ phần Aton	Công ty con gián tiếp (từ ngày 23/06/2024)
Công ty CP BCG Eco	Công ty con gián tiếp (từ ngày 19/06/2024)
Công ty TNHH B.O.T DT 830	Công ty liên kết trực tiếp
Công ty TNHH Helios Village	Công ty liên kết (chuyển đổi từ Công ty con từ ngày 29/02/2024)
Công ty TNHH Skylight Power	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Sơn	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Bất Động Sản An Giang	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu Tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	Công ty liên kết gián tiếp (từ ngày 31/01/2024)
Công Ty Cổ Phần TSN Hà Nam	Công ty liên kết gián tiếp (từ ngày 08/07/2024)
Công Ty Cổ Phần TSN Hòn Đất	Công ty liên kết gián tiếp (từ ngày 08/07/2024)
Công Ty Cổ Phần TSN Huế	Công ty liên kết gián tiếp (từ ngày 08/07/2024)
Công Ty Cổ Phần TSN Long An	Công ty liên kết gián tiếp (từ ngày 08/07/2024)
Công ty Cổ phần Core Vietnam	Công ty liên kết gián tiếp (từ ngày 19/07/2024)
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt với Công ty
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt với Công ty
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt với Công ty
Công ty Cổ phần E Power 1	Không còn là bên liên quan từ ngày 29/05/2024
Công ty Cổ phần Mega Solar	Không còn là bên liên quan từ ngày 29/05/2024
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và người công bố thông tin	Ban điều hành

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Quý IV.2024</i>
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Cung cấp dịch vụ	720.000.000
	Cung cấp dịch vụ	1.440.000.000
Công ty CP Tập đoàn Xây dựng Tracodi	Cho vay	2.134.500.000
	Lãi cho vay	1.308.615.751
Công ty Cổ phần BCG Energy	Cung cấp dịch vụ	2.955.000.000
	Lãi cho vay	3.023.013.700
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	Lãi hợp tác	122.958.904
	Cung cấp dịch vụ	2.160.000.000
Công ty Cổ phần BCG Land	Cho vay	181.250.000.000
	Lãi vay	397.260.274
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	Cung cấp dịch vụ	750.000.000
	Mua Bảo hiểm	43.001.000
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Lãi cho vay	8.888.109.589
Công ty TNHH Điện gió Đồng Thành 2	Lãi cho vay	9.873.534.246
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Lãi cho vay	7.004.332.877
Công ty Taxi Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	9.200.000
Công Ty Cổ Phần Sao Sáng Sài Gòn	Lãi cho vay	75.616.438
Công Ty TNHH Du Lịch Sinh Thái Côn Đảo	Lãi cho vay	252.054.795
Công ty CP PT Tầm nhìn Năng Lượng Xanh	Cho thuê xe	75.000.000
Công Ty Cổ Phần BCG Financial	Vay tiền	5.000.000.000
	Lãi vay	684.932

c. Thu nhập Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát trong kỳ

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Quý IV.2024</i>
Kou Kok Yiow	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 27/04/2024) Thành viên (miễn nhiệm ngày 27/04/2024)	60.000.000
Nguyễn Thanh Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 06/02/2024)	30.000.000
Phạm Minh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 06/02/2024)	30.000.000
Nguyễn Tùng Lâm	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 08/04/2024)	400.000.000
Tan Bo Quan, Andy	Thành viên HĐQT	30.000.000
Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	15.000.000
Vũ Xuân Chiến	Thành viên HĐQT	30.000.000
Đặng Đình Tuấn	Thành viên HĐQT	15.000.000
Hoàng Trung Thành	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 27/04/2024)	30.000.000
Phạm Hữu Quốc	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	400.000.000
Đỗ Hải Hà	Trưởng ban kiểm soát	30.000.000
Nguyễn Việt Cường	Thành viên ban kiểm soát	15.000.000
Leong Kwek Choon	Thành viên ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 27/04/2024)	15.000.000
Cộng		1.100.000.000

d. Số dư cuối kỳ với các bên có liên quan

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Mã số trên CBKT</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	131	2.032.800.000
	338	5.000.000.000
Công ty Cổ phần BCG Financial	319	684.932
	136	16.910.326.027
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	215	53.000.000.000
Công ty Cổ phần BCG Energy	131	1.647.200.000
Công ty TNHH Điện gió Đồng Thành 1	131	570.000.000
	136	11.913.030.140
Công ty TNHH Điện gió Đồng Thành 2	215	47.000.000.000
	131	3.110.400.000
Công ty Cổ phần BCG Land	136	397.260.274
	337	420.000.000.000
	215	151.445.000.000
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	136	9.204.743.835
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	131	202.500.000
Công ty CP PT Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	131	81.000.000
	135	52.360.239.000
Công ty CP Tập đoàn Xây dựng Tracodi	136	256.209.546
	215	3.000.000.000
Công Ty Cổ Phần Sao Sáng Sài Gòn	136	130.684.931
	215	10.000.000.000
Công Ty TNHH Du Lịch Sinh Thái Côn Đảo	136	435.616.439

2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty thực hiện chủ yếu là hoạt động cung cấp dịch vụ chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý cũng như lĩnh vực kinh doanh.

3. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Thực hiện Nghị quyết 80/2024/NQ-HDQT-BCG ngày 25/12/2024 và nghị quyết 02/2025/NQ-HDQT-BCG ngày 17/01/2025 về việc thông qua phương án mua lại toàn bộ trái phiếu mã BCG122006 trước hạn theo 2 đợt. Hiện tại, Công ty đã mua lại 3.971.632 trái phiếu tương ứng 397.163.200.000 đồng vào ngày 20/01/2025. Số lượng còn lại 1.028.368 trái phiếu tương ứng với 102.836.800.000 đồng sẽ được Công ty mua lại toàn bộ vào đợt tiếp theo.

4. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) và Báo cáo tài chính riêng quý 4/2023 của Công ty.

Người lập biểu

Huỳnh Minh Trường

Kế toán trưởng

Phạm Hữu Quốc



Lập báo cáo tài chính riêng 24 tháng 01 năm 2025
Phó Chủ tịch HĐQT

Phạm Minh Tuấn

(Theo Giấy ủy quyền số 05/2024/UQ-HDQT-BCG ngày 21/05/2024)

